

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 703/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/6/2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC – TP HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bá Thu Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 1336/TB-TLVA ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đào Tố P, sinh năm 1968 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 05 đường K, khu phố X, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Văn D, sinh năm 1965 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 29/6A đường số X, khu phố Y, phường H, quận T, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 11 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đào Tố P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông Đỗ Văn D tiến tới hôn nhân vào năm 2017 có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/2017 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận T. Sau khi tiến tới hôn nhân vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc. Do tính tình vợ chồng không phù hợp, ông D thường xuyên đi nhậu không chăm lo cho gia đình; bà P và ông D sống ly thân. Nay bà P xác định tình cảm với ông D không còn nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Đỗ Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông D và bà P tiến tới hôn nhân vào năm 2017 có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/2017 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận T. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê phòng trọ sinh sống tại quận T, nhưng cuộc sống không được hạnh phúc, không ai chăm sóc cho ai. Ông D xác định tình cảm với bà P không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đào Tố P.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm có: Giấy chứng nhận kết hôn số 269/2017 ngày 20/12/2017; chứng minh nhân dân, hộ khẩu của bà P và ông D.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Hôn nhân của bà P và ông D là hợp pháp.

Do bà P và ông D có đơn xin giải quyết vắng mặt nên các đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án. Bị đơn ông Đỗ Văn D có địa chỉ tại số 29/6A đường số X, khu phố Y, phường H, quận T; nên thẩm quyền giải quyết vụ án Hôn nhân và Gia đình này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân quận Thủ Đức; được pháp luật quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ tranh chấp. Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 14/11/2018; bà Đào Tố P yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Văn D, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Bà Đào Tố P và ông Đỗ Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn.

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Đào Tố P và ông Đỗ Văn D là hợp pháp; quá trình chung sống với nhau không hạnh phúc. Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 09/5/2019 ông D xác định tình cảm với bà P không còn, nên đồng ý ly hôn với bà Phượng. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông D là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Không có.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng bà P phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 238; Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Tố P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa bà Đào Tố P và ông Đỗ Văn D.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Đào Tố P phải chịu, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà P đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0023100 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà Đào Tố P, ông Đỗ Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

6. Quyền yêu cầu thi hành án. “Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a,

Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)”./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Thủ Đức; (1)
- CC Thi hành án dân sự Q. Thủ Đức; (1)
- Các đương sự (2)
- Ủy ban nhân dân phường H,
quận T; (1)
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP. (3)

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Công Tình